

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh quốc tế  
Chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy, ngành Kinh doanh  
quốc tế, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh quốc tế Chất lượng cao, ngành Kinh doanh quốc tế, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)



**Điều 3.** Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:** 

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- V.TM&KTQT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**

**NG  
KINH TẾ  
C DÂN**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**(Chương trình Chất lượng cao)**

*(Ban hành theo Quyết định số 1589 ngày 22 tháng 9 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

**Ngành: KINH DOANH QUỐC TẾ**

**Major: International Business**

**CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**QUỐC TẾ CHẤT LƯỢNG CAO**

**Program: International Business Management**

**Mã ngành (Code of Major): 7340120**

**Hệ: CHÍNH QUY**

**Type of Education: Full-time**

Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học  
Tổng hợp Bang California, Long Beach và Đại học Tổng hợp Bang  
California, San Bernardino, Hoa Kỳ

*(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach, USA,  
California State University, San Bernardino, USA)*

**HÀ NỘI – 9/2021**

## MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE.....	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES ...	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA.....	5
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT .....	5
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	6
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: .....	6
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY .....	7
7.1. Cấu trúc kiến thức .....	7
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến).....	8
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN// INSTRUCTION.....	13

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHKQTĐ ngày ... tháng ... năm 2021 của Hiệu trưởng)*

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM): CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH  
QUỐC TẾ CHẤT LƯỢNG CAO  
(ADVANCED BACHELOR OF  
INTERNATIONAL BUSINESS)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION): ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)

NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR): KINH DOANH QUỐC TẾ  
(INTERNATIONAL BUSINESS)

MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE): 7340120

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION): CHÍNH QUY (FULL - TIME)

### 1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Quản trị kinh doanh quốc tế có tư duy kinh tế, quản lý; có bản lĩnh nghề nghiệp cao; có khả năng nắm bắt và vận dụng được các yêu cầu của quy luật kinh tế thị trường, của hoạt động kinh doanh quốc tế. Thành thạo tiếng Anh và có kỹ năng nghiệp vụ thực hành tốt.

#### **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate**

- Làm cán bộ phòng xuất nhập khẩu, phòng đối ngoại, cán bộ kinh doanh, bán hàng, marketing, tài chính và nhân sự cho các công ty đa và xuyên quốc gia, các công ty có vốn FDI

- Làm việc cho các văn phòng phi chính phủ quốc tế, đại sứ quán hay các cán bộ ngoại thương, quan hệ quốc tế của các bộ, ban ngành trong nước như Bộ ngoại giao, công thương, bộ KH và ĐT...

- Khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, môi trường kinh doanh quốc tế.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình đào tạo Chương trình Chất lượng cao Quản trị Kinh doanh quốc tế, sinh viên có khả năng:

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
PLO1	Kiến thức chuyên môn <i>Functional Knowledge</i>	Sinh viên sẽ có thể thể hiện sự hiểu biết về tất cả các chức năng kinh doanh, thực hành và các lý thuyết liên quan và có thể tích hợp kiến thức chức năng này để giải quyết các vấn đề kinh doanh <i>Students will be able to demonstrate understanding of all business functions, practices and related theories and be able to integrate this functional knowledge in order to address business problems</i>	
	PLO 1.1	Nhận biết được những điểm khác biệt cơ bản trong tổ chức kinh doanh ở thị trường trong nước và thị trường nước ngoài <i>Recognize the basic differences between doing business domestically and internationally</i>	III
	PLO 1.2	Giải thích được các lý thuyết về kinh tế, thương mại, thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế <i>Explain theories on economics, trade, international trade and international investment</i>	III
	PLO 1.3	Sử dụng được kiến thức và kinh nghiệm để tham gia, giải quyết và vận hành việc quản	IV

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
		trị kinh doanh quốc tế <i>Apply to operate international business activities</i>	
	PLO 1.4	Thực hành nghiên cứu, lựa chọn thị trường, nhận dạng và so sánh các phương án trong việc triển khai các hoạt động kinh doanh quốc tế <i>Practice research, select markets, identify implementations in international business management</i>	IV
	PLO 1.5	Phân tích được các nhân tố tác động và đưa ra các gợi ý, ưu tiên trong việc ra quyết định và tổ chức các hoạt động kinh doanh quốc tế <i>Analyze factors and suggestions in decision-making and structuring international business</i>	IV
PLO2	Môi trường trong nước và toàn cầu <i>Global Learning Assessment</i>	Sinh viên có hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và toàn cầu ngày nay (ví dụ: pháp lý, quy định, chính trị, văn hóa và kinh tế). <i>Students will be able to demonstrate knowledge of today's domestic and global business environment (e.g., legal, regulatory, political, cultural, and economic).</i>	IV
PLO3	Tu duy đạo đức <i>Ethical reasoning</i>	Sinh viên có khả năng đánh giá các giá trị đạo đức của chính họ và bối cảnh xã hội của các vấn đề, nhận ra các vấn đề đạo đức trong nhiều môi trường khác nhau, suy nghĩ về cách các quan điểm đạo đức khác nhau có thể được áp dụng cho các tình huống khó xử về đạo đức và xem xét sự phân nhánh của các hành động thay thế.	III

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
		<i>Students are be able to assess their own ethical values and the social context of issues, recognize ethical issues in a variety of settings, think about how other ethical perspectives can be applied to ethical dilemmas and consider the ramifications of alternative actions.</i>	
PLO4	Kỹ năng kỹ thuật <i>Technical Skills</i>	Sinh viên có các kỹ năng định lượng và công nghệ cho phép họ phân tích và giải thích dữ liệu kinh doanh và cải thiện hiệu quả kinh doanh. <i>Students will possess quantitative and technological skills enabling them to analyze and interpret business data and to improve business performance.</i>	IV
PLO5	Khả năng tổng hợp <i>Integrative Learning</i>	Sinh viên có thể tích hợp kinh nghiệm để tạo lập khả năng áp dụng và phân tích kiến thức và kỹ năng từ góc độ tổ chức. <i>Student will be able to intergrate experience that enable to demonstrate the capacity to apply and analyze knowledge and skills from an organizational perspective.</i>	IV
PLO6	Kỹ năng giao tiếp <i>Communication Skills</i>	Sinh viên có thể thể hiện các kỹ năng viết và giao tiếp bằng tiếng Anh hiệu quả. <i>Students will be able to demonstrate effective written and oral communication skills in English.</i>	IV
PLO7	Khả năng giải quyết vấn đề <i>Problem solving</i>	Sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức trong những hoàn cảnh mới hoặc cũ và đưa ra các giải pháp sáng tạo để đối phó với những sự kiện không lường trước. <i>Students will be able to apply knowledge in new and an familiar circumstances and</i>	IV

PLO	Mô tả Explanation	Chi tiết năng lực người học Detailed PLO	Mức độ Bloom level
		<i>divise inovative solutions to cope with an unforeseen events.</i>	

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 132 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân Chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế Chất lượng cao phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 132 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

### 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế Chất lượng cao theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế Chất lượng cao.

## 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- Thời gian đào tạo là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 132 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

## 7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>47</b>	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc 4 HP
1.3. Các học phần của ngành	12	Viện tự chọn 4 HP từ tổ hợp của Trường quy định
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>12</b>	
2.1.1. Các học phần của Trường	6	Viện tự xây dựng
2.1.2. Các học phần của ngành	6	Viện tự xây dựng
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	<b>33</b>	Viện tự xây dựng
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	Viện tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	12	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b>	<b>33</b>	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<b>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>132</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

## 7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

### Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				47										
<i>1.1. Các học phần chung</i>				23		8	10	11	0	0	0	0	0	0
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin	3	Tiếng Việt	3								
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị	2	Tiếng Việt		2							
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Tiếng Việt		2							
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Tiếng Việt			2						
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tiếng Việt			2						
6	6	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Tiếng Anh 1, 2, 3 English 1,2,3	12	Tiếng Việt	4	8							
		GDTC	Giáo dục thể chất Physical Education	x	Tiếng Việt	x	x	x	x					
		QPCT1101 QPCT1102 QPDL1103 QPDL1104 QPDL1105	Giáo dục quốc phòng / Military Education Công tác quốc phòng an ninh/ Introduction to the National Defense Quân sự chung/ General Military Education Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ Strategy and Technique of Shooting AK	x	Tiếng Việt			x						
<i>1.2. Các học phần bắt buộc của Trường</i>				12		9	3	0	0	0	0	0	0	0
7	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh	3	Tiếng Việt	3								

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tin chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			tế Mathematics for Economics											
8	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	3	Tiếng Việt	3								
9	3	KHMI1101 KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	3	Tiếng Việt/Anh	3								
10	4	KHMA1101 KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	3	Tiếng Việt/Anh		3							
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				12		6	3	3	0	0	0	0	0	0
11	1	QTTH1102	Quản trị kinh doanh 1 Business Administration	3	Tiếng Việt/Anh			3						
12	2	CBA400E	Đạo đức kinh doanh Business Ethics	3	Tiếng Anh	3								
13	3	PSYC105E	Tư duy phê phán/ Critical thinking through problems analysis	3	Tiếng Anh	3								
14	4	FIN101	Tâm lý học điều khiển cá nhân và xã hội Personal & Social adjustment (Psychological)	3	Tiếng Việt		3							
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				85										
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				9		0	6	3	0	0	0	0	0	0
15	1	TOKT1106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistic	3	Tiếng Việt		3							
16	2	NHLT1102	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories	3	Tiếng Việt			3						
17	3	ACC211	Nguyên lý kế toán 1 Introductory Accounting 1	3	Tiếng Việt		3							
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				76										

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
2.2.1. Các học phần bắt buộc				42		0	3	3	15	3	6	12	0
18	1	TMKD1301E	Kinh doanh quốc tế 1/ International Business 1	3	Tiếng Anh				3				
19	2	NHTC300	Tài chính kinh doanh / Financial business	3	Tiếng Anh				3				
20	3	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh / Statistics for Economic and Business	3	Tiếng Việt			3					
21	4	QTKD1132E	Quản trị chiến lược / Strategic Management	3	Tiếng Anh				3				
22	5	MKMA1104E	Marketing Căn bản / Marketing Principles	3	Tiếng Anh				3				
23	6	MGMT302	Hành vi tổ chức và quản lý/ Mgt & Organizational Behavior	3	Tiếng Việt				3				
24	7	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	3	Tiếng Việt		3						
25	8	TMKD1302E	Kinh doanh quốc tế 2 International business 2	3	Tiếng Anh				3				
26	9	TMKD1306	Quản trị doanh nghiệp FDI và liên doanh Foreign Direct investment company and joint venture management	3	Tiếng Việt/Anh						3		
27	10	TMKD1309	Nghiệp vụ ngoại thương 1 Foreign Trade Practice 1	3	Tiếng Việt/Anh						3		
28	11	TMKD1311E	Nghiệp vụ ngoại thương 2 Foreign Trade Practice 2	3	Tiếng Anh							3	
29	12	TMKD1317E	Quản trị quốc tế: Quản trị đa văn hóa và hành vi /International	3	Tiếng Anh							3	

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng dạy Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			management: Cross-culture and behavior											
30	13	TMKD1315E	Quản trị chuỗi cung ứng quốc tế Internatinal Supply chain management	3	Tiếng Anh									3
31	14	TMKD1307E	Chuyên đề Marketing quốc tế Research major: International Marketing	3	Tiếng Anh									3
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 04 học phần trong tổ hợp sau)</b>				<b>12</b>										
32-45	1	NLXH1102	Xã hội học Sociology	3	Tiếng Việt					3				
	2	LLNL1101	Lịch sử các học thuyết kinh tế History of Economic Theories	3	Tiếng Việt					3				
	3	LUKD_1152	Luật kinh doanh quốc tế International business laws	3	Tiếng Việt					3				
	4	TMKQ1101E	Kinh tế quốc tế International Economics	3	Tiếng Anh					3				
	5	DTKT1101E	Kinh tế đầu tư Investment Economics	3	Tiếng Anh					3				
	6	MTKT1104E	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	3	Tiếng Anh					3				
	7	NHTM1121	Ngân hàng thương mại Commercial bank	3	Tiếng Việt					3				
	8	KTQT1103	Kế toán quản trị Management accounting	3	Tiếng Việt					3				
	9	NHCK1102	Thị trường chứng khoán	3	Tiếng Việt					3				

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			Stock Market											
	10	TMKT1115	Kinh doanh thương mại Commercial Business	3	Tiếng Việt					3				
	11	QTKD1109	Quản trị tác nghiệp operation Management	3	Tiếng Việt					3				
	12	QLCN1101	Quản lý công nghệ Management of Technology	3	Tiếng Việt					3				
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 4 học phần trong tổ hợp sau)</b>				12										
46	1	NHQT1108E	Quản trị tài chính quốc tế International financial management	3	Tiếng Anh									
	2	TMKD1316E	Chiến lược kinh doanh toàn cầu Global business Strategy	3	Tiếng Anh									
	3	TMKD1314	Đấu thầu quốc tế International tender	3	Tiếng Việt/Anh									
	4	TMKD1313	Kinh doanh dịch vụ quốc tế International services management	3	Tiếng Việt/Anh									
	5	KTKE1105	Kế toán quốc tế International Accounting	3	Tiếng Việt									
	6	NHCO1113	Thuế quốc tế International Taxation	3	Tiếng Việt									
	7	TMKT	Đàm phán và ký kết hợp đồng kinh doanh quốc tế/ Negotiation and signing Practice of International business contract	3	Tiếng Anh									
	8	TMKT1112E	Kỹ năng chuyên ngành bằng Tiếng Anh	3	Tiếng Anh									

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
			English skills for international business											
47	2.4.	TMKD 1354	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i> <i>Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Việt/ Tiếng Anh									10
			Tổng số TC toàn khóa	132										
<b>Các môn học thay thế khi chuyển tiếp 2+2</b>														
	1	Mus180	Nghiên cứu âm nhạc / Studies in music	3	Tiếng Việt				3					
	2	Eng 110/170	Văn học/ Literature	3	Tiếng Việt				3					
	3	Geog 103	Địa lý tự nhiên/ Physical Geography	4	Tiếng Việt				4					
	4	French 103	Ngoại ngữ (tiếng Pháp)/ French	3	Tiếng Việt/ Tiếng Pháp				3					
	5	Hist144/SSCI 165	Văn hóa thế giới / GE-D3 World cultures	3	Tiếng Việt				3					
<b>KẾT THÚC GIAI ĐOẠN 1 (chuyển tiếp học tại San Bernardino- Hoa Kỳ)</b>														

## 8. Hướng dẫn thực hiện// Instruction

– CTĐT được thực hiện trong 4 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

– Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

– Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

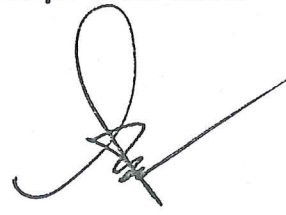
Ngày.... tháng.....năm 2021

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Tạ Văn Lợi

HIỆU TRƯỞNG 



PGS. TS. Phạm Hồng Chương

**PHỤ LỤC 01**

*(Nội dung chương trình học ngành Kinh doanh quốc tế CLC 2+2 tại San Bernardino, Hoa Kỳ)*

**1. Cấu trúc chương trình đào tạo 2+2 – 2+2 Curriculum structure**

STT	KHỐI KIẾN THỨC – Knowledge Foundation	ĐVHT Credits
<b>1</b>	<b>GIAI ĐOẠN 1: HỌC TẠI VIỆT NAM 49 TC</b>	
	Kiến thức bắt buộc riêng của San Bernardino	<b>13</b>
<b>2</b>	<b>GIAI ĐOẠN 2: HỌC TẠI HOA KỲ 73 TC</b>	<b>73</b>
	2.1. Kiến thức bắt buộc tại San Bernardino (Hoa Kỳ)	<b>45</b>
	2.2. Kiến thức Chuyên ngành KDQT tại San Bernardino (Hoa Kỳ)	<b>28</b>
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc Chuyên ngành tại San Bernardino (Hoa Kỳ)	<b>16</b>
	2.2.2. Kiến thức lựa chọn Chuyên ngành KDQT tại San Bernardino (Hoa Kỳ)	<b>8</b>
	2.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận	<b>4</b>
	<b>Tổng tín chỉ học tại Hoa Kỳ 135 TC, học bổ sung</b>	<b><u>86</u></b>

**2. Chi tiết học phần –In details:**

TT No.	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Mã tham chiếu, nếu có (Ref., Code, if have)
<b>GIAI ĐOẠN 1: HỌC BỔ SUNG TẠI VIỆT NAM</b>					<b>16 TC</b>
1	Mus180	Nghiên cứu âm nhạc / Studies in music	3	Tiếng Việt	

TT No.	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Mã tham chiếu, nếu có (Ref., Code, if have)
2	Eng 110/170	Văn học/ Literature	3	Tiếng Việt	
3	Geog 103	Địa lý tự nhiên/ Physical Geography	4	Tiếng Việt	
4	French 103	Ngoại ngữ (tiếng Pháp)/ French	3	Tiếng Việt/ Tiếng Pháp	
5	Hist144/SSCI 165	Văn hóa thế giới / GE-D3 World cultures	3	Tiếng Việt	
<b>GIAI ĐOẠN 2: LỰA CHỌN HỌC TẠI HOA KỲ</b>					<b>73 TC</b>
<b>2.1. Kiến thức chung</b>					<b>45 TC</b>
1	GE-A1 (Eng 103)	Written Communication	3	Tiếng Anh	
2	GE-A1 (Eng 104)	Written Communication	3	Tiếng Anh	
3	GE-A2	Oral Communication	3	Tiếng Anh	
4	GE-B5	Natural Sciences Capstone	3	Tiếng Anh	
5	GE-C5	Humanities Capstone	3	Tiếng Anh	
6	GE-D1	American History and Civilization	3	Tiếng Anh	
7	GE- D2	American Institutions	3	Tiếng Anh	
8	GE-D5	Social Sciences Capstone	3	Tiếng Anh	
9	GE-F	Upper division Writing Requirement	3	Tiếng Anh	
10	FIN 314	Corporate finance management	3	Tiếng Anh	
11	INFO 309	Information management	3	Tiếng Anh	
12	MGMT 330	Legal Environment of Business	3	Tiếng Anh	
13	MGMT 490	Strategic management	3	Tiếng Anh	
14	PA 315	Government –Business Relations	3	Tiếng Anh	
15	SCM 304	Principles of supply chain management	3	Tiếng Anh	
<b>2.2. Kiến thức chuyên ngành KDQT</b>					
<b>MINOR IN INTERNATIONAL BUSINESS</b>					<b>28 TC</b>
<b>Requirement Courses</b>					<b>12 TC</b>
1	FIN 433	International Business	4	Tiếng Anh	

TT No.	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Mã tham chiếu, nếu có (Ref., Code, if have)
		finance			
2	MGMT 405	Managing across Borders	4	Tiếng Anh	
3	MKTG	International Marketing Management	4	Tiếng Anh	
<b>Selection1: 1 course among 3 courses only)</b>					
4a	MGMT	Global Entrepreneurship	4	Tiếng Anh	
4b	SCM 445	International logistic			
4c	MGMT 406	International Business Law			
<b>Selection1: 2 courses among 6 courses only) 8 TC</b>					
5a	ANTH 470	Globalization and Culture	4	Tiếng Anh	
5b	COMM 471	International Communication			
5c	PSCI 590	Seminar in International Relations			
6a	ECON 430	International economics	4	Tiếng Anh	
6b	ECON 435	Multinational Corporations			
6c	ECON 450	Global Economy			
<b>Final Internship or seminar 4 TC</b> <i>1 course chosen from:</i>					
7a	ADMN 575	Internship	4	Tiếng Anh	
7b	ADMN 590	Seminar			
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ HỌC BỔ SUNG CẢ HAI GIAI ĐOẠN 89 TC</b>					